TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ - TIN HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM THI CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH BẬC 2/6
KỲ THI NGÀY 24/4/2022

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	
1	A0001	Lê Nguyễn Thanh	An	06/09/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	13,0	22,0	19,0	20,0	7,5	Đạt		
2	A0002	Lê Quốc	An	03/07/1976	Phú Thọ	Nam	Kinh	10,0	22,0	19,0	19,0	7,0	Đạt		
3	A0003	Kheuabmany	Andy	29/11/2000	Lào	Nữ	Lào	17,0	24,0	21,0	17,0	8,0	Đạt		
4	A0004	Trần Lê Hoài	Anh	21/03/1999	Quảng Bình	Nữ	Kinh	12,0	20,0	21,0	20,0	7,5	Đạt		
5	A0005	Võ Thị Như	Ánh	23/04/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	12,0	19,0	20,0	18,0	7,0	Đạt		
6	A0006	Lophengsy	Bapphavandy	25/04/2001	Lào	Nữ	Lào	15,0	20,0	20,0	19,0	7,5	Đạt		
7	A0007	Louangafai	Bouasy	05/06/1998	Lào	Nữ	Lào	11,0	21,0	20,0	17,0	7,0	Đạt		
8	A0008	Phim masone	Bounkham	05/04/2000	Lào	Nam	Lào	13,0	20,0	18,0	17,0	7,0	Đạt		
9	A0009	Keovongsak	Bounom	04/10/1998	Lào	Nam	Lào	11,0	14,0	18,0	16,0	6,0		Không đạt	
10	A0010	Souyphasit	Boupha	20/06/2000	Lào	Nam	Lào	13,0	20,0	17,0	15,0	6,5	Đạt		
11	A0011	Nguyễn Văn	Chỉnh	06/11/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	16,0	20,0	21,0	20,0	7,5	Đạt		
12	A0012	Phim Masone	Chonny	03/08/1999	Lào	Nam	Lào	15,0	19,0	21,0	16,0	7,0	Đạt		
13	A0013	Võ Thị Mỹ	Dung	07/02/1999	Bình Định	Nữ	Kinh	16,0	20,0	22,0	22,0	8,0	Đạt		
14	A0014	Saiyasing	Fouk	20/01/2001	Lào	Nam	Lào	19,0	20,0	20,0	18,0	7,5	Đạt		
15	A0015	Trần Thị Thu	Hạnh	30/10/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	17,0	22,0	20,0	19,0	8,0	Đạt		
16	A0016	Phim masone	Hatphathay	21/01/2000	Lào	Nam	Lào	15,0	13,0	19,0	17,0	6,5	Đạt		
17	A0017	Vongchanthy	Hatsady	29/07/1999	Lào	Nam	Lào	18,0	14,0	19,0	16,0	6,5	Đạt		
18	A0018	Sakkoumman	Hatthasan	09/03/1995	Lào	Nam	Lào	17,0	23,0	18,0	19,0	7,5	Đạt		

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	
19	A0019	Nguyễn Thị Minh	Hiền	31/10/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	14,0	20,0	21,0	22,0	7,5	Đạt		
20	A0020	Phạm Thị Thu	Hiền	09/10/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	11,0	20,0	19,0	20,0	7,0	Đạt		
21	A0021	Phan Đình	Hiếu	16/08/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	17,0	18,5	21,0	22,0	8,0	Đạt		
22	A0022	Đỗ Đặng Minh	Hoàng	12/05/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	16,0	19,0	20,0	21,0	7,5	Đạt		
23	A0023	Trương	Huy	30/10/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	16,0	23,0	18,0	21,0	8,0	Đạt		
24	A0024	Phan Quốc	Hưng	10/03/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	18,0	23,0	17,0	21,0	8,0	Đạt		
25	A0025	Mao Panya	Mekky	02/04/2000	Lào	Nam	Lào	16,0	19,0	18,0	18,0	7,0	Đạt		
26	A0026	Vongsouthi	Khankham	17/09/2000	Lào	Nữ	Lào	17,0	19,5	16,0	20,0	7,5	Đạt		
27	A0027	ChanThalath	KhamPhok	12/12/1998	Lào	Nam	Lào	17,0	15,5	13,0	20,0	6,5	Đạt		
28	A0028	Phosalath	Khanxay	04/04/2000	Lào	Nam	Lào	15,0	19,0	17,0	20,0	7,0	Đạt		
29	A0029	Nguyễn Văn	Khiêm	07/09/1990	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	17,0	19,0	19,0	20,0	7,5	Đạt		
30	A0030	Lê Trung	Khởi	17/05/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	18,0	19,0	19,0	21,0	7,5	Đạt		
31	A0031	Vilavong	Lattaphone	13/05/1999	Lào	Nữ	Lào	18,0	19,0	17,0	21,0	7,5	Đạt		
32	A0032	Phimmasone	Lattaphoum	14/02/2000	Lào	Nam	Lào	16,0	20,0	20,0	20,0	7,5	Đạt		
33	A0033	Nguyễn Ngọc Diệp	Lệ	12/10/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	19,0	19,0	19,0	7,5	Đạt		
34	A0034	Nguyễn Văn	Mẫn	05/10/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	19,0	19,0	17,0	19,0	7,5	Đạt		
35	A0035	Văn Thị Tuyết	My	13/08/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	19,0	19,0	20,0	7,5	Đạt		
36	A0036	Souvannasan	Nali	09/04/1999	Lào	Nữ	Lào	17,0	18,5	19,0	20,0	7,5	Đạt		
37	A0037	Lakhonvong	Nanthana	11/08/2001	Lào	Nữ	Lào	20,0	18,5	21,0	22,0	8,0	Đạt		
38	A0038	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	19/02/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	18,5	19,0	21,0	8,0	Đạt		
39	A0039	Phạm Thị	Như	12/11/2001	Ninh Thuận	Nữ	Kinh	19,0	18,0	18,0	19,0	7,5	Đạt		
40	A0040	Kongmany	Pasien	06/05/1999	Lào	Nam	Lào	17,0	17,0	17,0	18,0	7,0	Đạt		

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	
41	A0041	Uengyasone	Pitpakone	16/08/1999	Lào	Nam	Lào	17,0	17,0	18,0	16,0	7,0	Đạt		
42	A0042	Keobouaphanh	Phendavanh	25/02/2000	Lào	Nữ	Lào	20,0	17,0	20,0	21,0	8,0	Đạt		
43	A0043	Thongnoum	Phimmasone	12/08/1999	Lào	Nữ	Lào	19,0	17,0	19,0	23,0	8,0	Đạt		
44	A0044	Vichit Phouangsa	Phoumixay	12/10/1998	Lào	Nam	Lào	18,0	18,0	14,0	17,0	6,5	Đạt		
45	A0045	Komma Meuang	Phoutmixay	20/09/2000	Lào	Nam	Lào	19,0	16,5	18,0	20,0	7,5	Đạt		
46	A0046	Pham Văn	Phước	13/06/1998	Lào	Nam	Kinh	21,0	18,0	22,0	23,0	8,5	Đạt		
47	A0047	Nguyễn Duy	Quân	02/02/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	18,0	19,0	18,0	21,0	7,5	Đạt		
48	A0048	Đinh Hà	Rút	26/01/1998	Quảng Ngãi	Nam	Hre	18,0	19,0	18,0	18,0	7,5	Đạt		
49	A0049	Đinh Thị	Sả	05/10/1983	Quảng Ngãi	Nữ	Hre	18,0	19,0	18,0	19,0	7,5	Đạt		
50	A0050	Nguyễn Tấn	Sang	12/12/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	20,0	19,0	17,0	22,0	8,0	Đạt		
51	A0051	Nguyễn Minh	Sánh	18/04/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	11,0	18,5	16,0	17,0	6,5	Đạt		
52	A0052	Nanthachak	Sithiphone	31/12/2000	Lào	Nam	Lào	10,0	19,0	19,0	17,0	6,5	Đạt		
53	A0053	Kham Phoumeuang	Somphamit	07/06/1998	Lào	Nam	Lào	14,0	19,0	20,0	17,0	7,0	Đạt		
54	A0054	Seng Khiyavong	Soudchai	31/01/1999	Lào	Nam	Lào	17,0	17,0	20,0	17,0	7,0	Đạt		
55	A0055	Seng Soulichanh	Sounisa	02/08/1999	Lào	Nữ	Lào	20,0	17,0	20,0	20,0	7,5	Đạt		
56	A0056	Yanalom	TaiThong	21/09/1999	Lào	Nam	Lào	14,0	19,0	20,0	20,0	7,5	Đạt		
57	A0057	Keomany	Tangmany	29/06/1998	Lào	Nam	Lào	10,0	19,0	17,0	20,0	6,5	Đạt		
58	A0058	Boutthi	Touny	07/07/1999	Lào	Nữ	Lào	10,0	18,5	19,0	20,0	7,0	Đạt		
59	A0059	Lê Minh	Tú	01/01/1978	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	11,0	20,0	15,0	17,0	6,5	Đạt		
60	A0060	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	20/12/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,0	19,5	16,0	17,0	6,0		Không đạt	
61	A0061	Phạm Văn	Tường	04/01/1994	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,0	20,0	18,0	25,0	7,0	Đạt		
62	A0062	Đinh Thị	Thành	07/10/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Hre	16,0	21,0	19,0	17,0	7,5	Đạt		

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	
63	A0063	Vannivong Kham	Thatsaphone	10/11/2000	Lào	Nam	Lào	15,0	18,5	19,0	17,0	7,0	Đạt		
64	A0064	Lê Thị Ngọc	Thoa	02/01/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	11,0	20,0	18,0	17,0	6,5	Đạt		
65	A0065	Nguyễn Dương Nữ	Thu	10/04/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	11,0	21,0	17,0	17,0	6,5	Đạt		
66	A0066	Phạm Thị	Thư	27/09/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	10,0	20,0	18,0	17,0	6,5	Đạt		
67	A0067	Nguyễn Thị Hà	Trang	01/11/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	12,0	21,0	17,0	18,0	7,0	Đạt		
68	A0068	Nguyễn Thị	Trúc	29/07/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	10,0	19,0	18,0	18,0	6,5	Đạt		
69	A0069	Nguyễn Quang	Văn	16/04/1996	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,0	18,5	20,0	20,0	6,5	Đạt		
70	A0070	Volavong	Veothixay	09/03/2000	Lào	Nam	Lào	13,0	18,5	20,0	22,0	7,5	Đạt		
71	A0071	Inthavong	Vithaya	05/03/2001	Lào	Nữ	Lào	14,0	18,5	21,0	18,0	7,0	Đạt		
72	A0072	Nguyễn Khắc	Vũ	07/10/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,0	19,5	18,0	22,0	7,0	Đạt		
73	A0073	Viengxay	Xaynoy	30/04/1998	Lào	Nam	Lào	9,0	18,5	18,5	17,0	6,5	Đạt		
74	A0074	Inthavong	Xokxay	19/11/2000	Lào	Nam	Lào	8,0	19,5	16,0	18,0	6,0		Không đạt	
75	A0075	Huỳnh Duy	Xuyên	03/03/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	11,0	18,0	18,0	20,0	6,5	Đạt		
76	A0076	Trần Như	Ý	09/09/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	13,0	17,5	18,0	20,0	7,0	Đạt		
77	A0077	Trần Thị	Mỹ	10/02/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	11,0	18,5	21,0	20,0	7,0	Đạt		

Danh sách này có: 77 thí sinh, trong đó số dự thi: 77 thí sinh, số vắng thi: 0 thí sinh.